TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27/02/2026
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Thanh Trí

2. Ông Cao Văn Chuộng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Bích Trăm – Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Trần Văn Tú E, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp P, xã C, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt tại phiên tòa)

2/- Bị đơn: Trần Kim T, sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp P, xã C, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/10/2025, bản tự khai ngày 29/10/2025 nguyên đơn anh Trần Văn T1 Em trình bày: Anh và chị Trần Kim T tự nguyện kết hôn vào năm 2025, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị sống chung với nhau khoảng một tháng thì chị T về nhà cha, mẹ ruột sinh sống và cắt đứt quan

hệ với anh. Nay, anh yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh với chị T là vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị T không có con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị T có 10 chỉ vàng 24K. Anh yêu cầu chia 10 chỉ vàng này, tuy nhiên ngày 09/02/2026 anh T1 Em rút lại yêu cầu này để anh và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Anh Trần Văn Tú E có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn chị Trần Kim T trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 09/02/2026: Chị thống nhất với phần trình bày của anh Trần Văn T1 Em về thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn như anh Tú E trình bày là đúng. Chị cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T1 Em yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị với anh T1 Em là vợ chồng.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Có 10 chỉ vàng 24k, chị đồng ý giao lại cho anh T1 Em 05 chỉ vàng 24K. Về tài sản này chị tự thỏa thuận với anh Tú E không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Chị Trần Kim T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về việc nội dung giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Văn Tú E và chị Trần Kim T là vợ chồng. Về tài sản chung có 10 chỉ vàng 24K, nguyên đơn yêu cầu chia số vàng này. Tuy nhiên, quá trình tố tụng nguyên đơn đã rút lại yêu cầu chia tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ. Về con chung và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Trần Văn Tú E và chị Trần Kim T do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên anh T1 Em yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T là vợ chồng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do chị T có nơi cư trú tại xã C, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn Tú E và chị Trần Kim T đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ cung cấp và giao nộp chứng cứ theo quy định của pháp luật và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Tú E và chị T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu không công nhận quan hệ hôn nhân là vợ chồng của anh Trần Văn T1 Em: Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa anh Trần Văn T1 Em và chị Trần Kim T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh Tú E và chị T phát sinh mâu thuẫn nên đã ly thân từ tháng 7 năm 2025 đến nay không thể giải quyết được, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh Tú E cho rằng cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn được nữa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Văn Tú E và chị Trần Kim T là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Quá trình sống chung anh Tú E và chị T không có con chung

[3.3] Về tài sản chung: Anh Tú E1 và chị T có 10 chỉ vàng 24K. Anh yêu cầu chia 10 chỉ vàng này, tuy nhiên ngày 09/02/2026 anh T1 Em rút lại yêu cầu này để anh và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử đình chỉ.

[3.4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh Trần Văn T1 Em phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh Trần Văn T1 Em được nhận lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 217, Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T1 Em.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Văn Tú E và chị Trần Kim T là vợ chồng.

2. Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của anh Trần Văn T1 Em.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trần Văn T1 Em phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh Trần Văn Tú E đã nộp theo biên lai số 0011609 ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 14 – Cần Thơ thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Anh Tú E1 đã nộp xong). Anh Trần Văn T1 Em được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 4.000.000 đồng theo biên lai số 0001927 ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 14 – Cần Thơ.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tp. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 14 – Cần Thơ;
- UBND xã Châu Thành, TP. Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Văn Đua